

Số: 1292/2024/KDTM - ST  
Ngày: 30/9/2024  
V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Út

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đoàn Văn Hùng

Bà Huỳnh Thu An

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Mai Như Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 697/2024/TLST-KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán Clinker*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 388/2024/QĐXXST-KDTM ngày 04/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 310/2024/QĐST-DS ngày 19/9/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH L

Địa chỉ: Số nhà 108, ngõ 182 đường P, phường Q, quận B, Thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Đình T, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/8/2024)

2. *Bị đơn:* Công ty CP D (Vắng mặt)

Địa chỉ: 82 Đường X, Phường A, quận O, Tp. Hồ Chí Minh

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đức H, là đại diện theo pháp luật

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Đình T trình bày:*

Ngày 09/4/2019, Công ty TNHH L (Gọi tắt là Công ty L”) và Công ty CP D (Gọi tắt là Công ty D”) ký kết hợp đồng mua bán Clinker số 01/HĐMB – 2019/NL –DIC về việc mua bán Clinker Cpc50, cụ thể: Tên hàng hóa: Clinker Cpc50 lò quay do Công ty CP G sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 7024:2023; Số lượng: Theo đơn đặt hàng từng đợt của Công ty D và có xác nhận của Công ty L; Giá bán: Được áp dụng theo thông báo giá do Công ty L ban hành theo địa bàn và tại từng thời điểm có xác nhận đồng ý của Công ty D hoặc thể hiện trên từng đơn hàng cụ thể có xác nhận của hai bên; Phương thức thanh toán: Thanh toán từng đợt sau khi Công ty D nhận đủ 3.000 tấn, trường hợp Công ty D chưa nhận đủ lượng 3.000 tấn do hỏng lò của nhà máy hoặc sự cố bất khả kháng thì Công ty D sẽ thanh toán cho Công ty L trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được thông báo về lý do dừng cấp hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nói trên, Công ty L đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết giữa các bên, tuy nhiên Công ty D vẫn chưa hoàn tất nghĩa vụ thanh toán cho Công ty L.

Ngày 04/02/2020, hai bên cùng lập biên bản đối chiếu công nợ và cùng xác nhận số tiền Công ty D phải trả cho Bên A là 3.257.731.018 đồng, nhưng đến hôm nay Công ty D vẫn chưa trả như cam kết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/4/2019 Công ty D có đơn hàng số 10.04.2019/DIC với số lượng 20.000 tấn Clinker Cpc50, đơn giá 835.000 đồng/tấn. Tổng giá trị đơn hàng là 16.000.000.000 đồng.

Ngày 18/4/2019 Công ty L gửi thông báo điều chỉnh giá từ 835.000 đồng/tấn lên 840.000 đồng/tấn và được Công ty D chấp nhận.

Ngày 04/02/2020, hai bên cùng lập biên bản đối chiếu công nợ và cùng xác nhận số tiền Công ty D phải trả cho Công ty L là 3.257.731.018 đồng.

Ngày 05/02/2020 Công ty D có văn bản xin trả nợ theo lộ trình: Trong tháng 4/2020 thanh toán 500.000.000 đồng, trong tháng 5 và 6/2020 thanh toán 1.500.000.000 đồng và trong tháng 7 và 8/2020 thanh toán 980.509.537 đồng.

Ngày 30/7/2020 Công ty D cam kết sẽ thanh toán tiền kể từ tháng 8/2020.

Ngày 31/3/2021 hai bên cùng lập biên bản làm việc về nội dung thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền.

Ngày 4/6/2021 Công ty D cam kết sẽ thanh toán hết nợ vào năm 2022.

Ngày 12/01/2022 Công ty D xác nhận còn nợ Công ty L số tiền 2.407.509.538 đồng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, Công ty D còn nợ Công ty L số tiền gốc là 1.557.509.538 đồng. Do đó Công ty L yêu cầu Tòa án buộc Công ty D số tiền gốc còn nợ là 1.557.509.538 đồng cùng với lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm là 1.418.783.249 đồng. Tổng công số tiền Công ty D còn phải thanh toán cho Công ty L là 2.976.292.787 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn Công ty CP D nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt giấy triệu tập đối với bị đơn theo quy định.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

+ Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

Công ty TNHH L khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn Công ty CP D có địa chỉ hoạt động tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn Công ty D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 04/02/2020 của Hợp đồng mua bán Clinker số 01/HĐMB – 2019/NL–DIC đã ký ngày 09/4/2019 giữa Công ty CP D và Công ty TNHH L thì Công ty D còn nợ Công ty L số tiền 3.257.731.018 đồng (Trong đó gốc là 3.080.509.538 đồng và tiền lãi đến ngày 31/12/2019 là 177.211.480 đồng).

Công ty D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như cam kết đã xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty L, do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại 2005, buộc Công ty D phải thanh toán cho Công ty L số tiền hàng còn nợ là 1.557.509.538 đồng

Căn cứ Bảng tính lãi ngày 31/12/2019 Công ty D xác nhận tiền lãi chậm thanh toán là 12%/năm. Nay Công ty L chỉ yêu cầu Công ty D trả tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm trên số tiền chậm thanh toán, thấp hơn mức lãi suất thỏa thuận của các bên và thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường. Do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005, buộc Công ty D phải trả lãi chậm thanh toán cho Công ty L trên số tiền chậm thanh toán tính đến ngày 30/9/2024 là 1.418.783.249 đồng.

Như vậy, Công ty D phải trả cho Công ty L số tiền 2.976.292.787 đồng (Trong đó gốc là 1.557.509.538 đồng và tiền lãi đến ngày 30/9/2024 là 1.418.783.249 đồng).

[3] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 2.976.292.787 đồng, nhưng được chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Công ty D phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 50, 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

### **1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH L:**

Buộc Công ty CP D phải trả cho Công ty TNHH L số tiền là 2.976.292.787 (*Hai tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi bảy*) đồng (Trong đó gốc là 1.557.509.538 đồng và lãi 1.418.783.249 đồng).

### **2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:**

- Công ty CP D phải chịu án phí là 91.525.856 (*Chín mươi một triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi sáu*) đồng.

- Hoàn lại cho Công ty TNHH L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.324.000 (*Năm mươi sáu triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0029568 ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

### **3. Về nghĩa vụ thi hành án:**

Kể từ ngày Công ty TNHH L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty CP D không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng Công ty CP D còn phải trả tiền lãi cho Công ty TNHH L trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

### **4. Về quyền kháng cáo:**

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Út**